

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Toán– Lớp 5

(đề tham khảo)

PHẦN I: Trắc nghiệm:

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số thập phân gồm mười một đơn vị, mười một phần nghìn viết là:

- | | |
|-----------|-----------|
| A. 11,110 | C. 10,011 |
| B. 11,011 | D. 11,101 |

Câu 2: Viết số 20,050 dưới dạng gọn hơn là:

- | | |
|---------|----------|
| A. 2,05 | C. 20,05 |
| B. 20,5 | D. 20,50 |

Câu 3: Viết $\frac{5}{100}$ dưới dạng số thập phân được:

- | | |
|----------|----------|
| A. 5,100 | C. 0,50 |
| B. 0,05 | D. 0,500 |

Câu 4: Số bé nhất trong các số: 45,538; 45,835; 45,358; 45,385 là:

- | | |
|-----------|-----------|
| A. 45,538 | C. 45,358 |
| B. 45,835 | D. 45,385 |

Câu 5: 29 m 9cm =.....m . Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- | | |
|----------|----------|
| A. 29,09 | C. 29,90 |
| B. 2,909 | D. 2,990 |

Câu 6: $2,4m^2 = \dots\dots\dots dm^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- | | |
|---------|--------|
| A. 2400 | C. 240 |
| B. 2040 | D. 204 |

Câu 7: Một tấm bìa hình chữ nhật có chiều dài $\frac{3}{5}$ m, chiều rộng $\frac{2}{5}$ m. Diện tích của tấm bìa là:

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| A. $\frac{6}{25}$ m | C. $\frac{5}{10} m^2$ |
| B. $\frac{6}{5} m^2$ | D. $\frac{6}{25} m^2$ |

Câu 8: Hỗn số $8\frac{8}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- | | |
|---------|---------|
| A. 0,88 | C. 8,8 |
| B. 8,08 | D. 8,80 |

PHẦN II: Tự luận:

Câu 1: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a. 4kg 75g =..... kg

b. $16,5m^2 = \dots\dots\dots m^2 \dots\dots\dots dm^2$

Câu 2: Tìm X, biết:

a) $X + \frac{1}{4} = \frac{5}{8}$

b) $X : \frac{3}{2} = \frac{1}{4}$

Câu 3: Có 12 hộp bánh như nhau đựng 48 cái bánh. Hỏi 15 hộp bánh như vậy đựng được bao nhiêu cái bánh?